

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2018

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Châu.

2. Ông Nguyễn Tấn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: 56/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ cư trú: 91/3A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: 56/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* bà Trần Thị H, sinh năm 1963, địa chỉ cư trú: 91/3A, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

- Về hôn nhân: quen biết nhau thông qua mạng xã hội, chị và anh Nguyễn Văn Đ tìm hiểu nhau được khoảng 05 tháng thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2015. Sau khi kết hôn, chị về sống chung với gia đình chồng, được khoảng vài tháng thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ không chuyên tâm làm ăn mà thường xuyên uống rượu, cờ bạc, chị và người thân gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhưng anh Đ không sửa đổi bản thân nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, chị nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Từ tháng 7/2017, chị trở về nhà cha mẹ ruột ở hẳn cho đến nay,

không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng với anh Đ, cả hai cũng không còn liên lạc với nhau. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên xin được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: không có.
- Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2018, người làm chứng là bà Trần Thị H trình bày:*

Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị T quen biết anh Nguyễn Văn Đ qua mạng xã hội, được khoảng 05 tháng thì kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức cưới theo quy định. Sau khi cưới thì chị T và anh Đ chung sống tại nhà chồng, được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ không chuyên tâm là ăn, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị T trở về sống với bà được khoảng một tháng thì anh Đ cùng mẹ anh Đ xuống xin lỗi nên chị trở về chung sống, nhưng chỉ được vài tháng thì xảy ra tranh cãi, chị T lại về sống cùng với bà. Từ tháng 8/2017, chị T về ở với bà cho đến nay.

Gia đình bà theo đạo công giáo, luật đạo không cho phép ly hôn, bản thân bà cũng không muốn cho chị T ly hôn, nhưng mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, hiện cả hai không còn liên hệ với nhau, hôn nhân không kéo dài được nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh Đ.

** Tại phiên tòa, chị Tuyên giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày nêu trên.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện T:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung và chia tài sản không đặt ra xem xét; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng là bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy

định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị T và anh Đ tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2015, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị T có đơn xin ly hôn anh Đ nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị T được quyền đơn phương xin ly hôn anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này.

[2.2] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ theo chị T trình bày là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ không chuyên tâm làm ăn mà thường xuyên uống rượu, cờ bạc. Chị T và gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không sửa đổi nên vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, chị T nhiều lần trở về nhà mẹ ruột ở. Từ tháng 7/2017, chị T trở về nhà cha mẹ ruột ở hẳn cho đến nay, không còn sống chung và thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với anh Đ, được bà Trần Thị H là mẹ ruột chị T xác nhận. Về phía anh Đ, anh Đ không tham gia trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời cũng xin vắng mặt tại phiên tòa, qua đó thể hiện việc anh Đ không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân của chính mình với chị T. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh Đ.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: không có.

3. Về chia tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 002390 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng